

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTCP VẬN TẢI VÀ
XẾP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1510-2019/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

| | |
|-----------------------------------|---|
| Công ty | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN |
| Mã chứng khoán | HAH |
| Địa chỉ trụ sở chính | Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại | 024.39877515 |
| Fax | 024.39444022 |
| Người thực hiện công bố thông tin | Vũ Thanh Hải |
| Địa chỉ: | Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam |
| Số điện thoại công ty | 0225.3979721 |
| Fax | 0225.3979718 |
| Loại thông tin công bố | <input type="checkbox"/> 24 giờ <input type="checkbox"/> bất thường <input type="checkbox"/> theo yêu cầu <input checked="" type="checkbox"/> định kỳ |

Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2019" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/10/2019 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2019

Người đại diện theo pháp luật


TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải

Số: 1210 -2019/QHCD-HATS

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2019

BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2019

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 15/08/2018.

Chúng tôi xin giải trình số liệu báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm nay lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm **13,26%** so với cùng kỳ năm ngoái là do các nguyên nhân sau:

- Tốc độ tăng chi phí hoạt động khai thác tàu cao hơn tốc độ tăng doanh thu dẫn tới kết quả hoạt động khai thác tàu sụt giảm.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Phụ trách kế toán

A blue ink signature of Trần Thị Thanh Hảo.

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | cuối kỳ | đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 568,552,297,781 | 587,779,335,179 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 256,654,229,147 | 272,125,233,675 |
| 1. Tiền | 111 | | 95,348,939,476 | 88,635,204,571 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 161,305,289,671 | 183,490,029,104 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 13,500,000,000 | 13,500,000,000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 13,500,000,000 | 13,500,000,000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 201,182,132,041 | 217,513,466,269 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 95,941,281,620 | 122,272,253,242 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 5,236,681,384 | 6,853,244,550 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 101,070,623,269 | 89,093,891,301 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1,066,454,232) | (705,922,824) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 42,963,444,168 | 34,979,953,834 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 42,963,444,168 | 34,979,953,834 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 54,252,492,425 | 49,660,681,401 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 5,649,706,523 | 3,407,011,431 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 48,541,740,121 | 46,253,669,970 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 61,045,781 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1,179,125,394,593 | 1,068,200,173,118 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 10,000,000 | 1,713,470,000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 10,000,000 | 1,713,470,000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 887,316,410,309 | 812,401,135,234 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 882,508,597,943 | 806,210,134,443 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1,420,469,944,264 | 1,257,155,997,981 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (537,961,346,321) | (450,945,863,538) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 4,807,812,366 | 6,191,000,791 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 11,754,927,885 | 11,754,927,885 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (6,947,115,519) | (5,563,927,094) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 981,237,155 | 3,816,588,904 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 981,237,155 | 3,816,588,904 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 42,476,127,468 | 42,123,582,570 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 32,025,260,968 | 31,672,716,070 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 10,450,866,500 | 10,450,866,500 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 248,341,619,661 | 208,145,396,410 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 248,341,619,661 | 208,145,396,410 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1,747,677,692,374 | 1,655,979,508,297 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 524,502,415,620 | 437,303,264,078 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 241,029,678,401 | 247,670,262,660 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 65,834,923,542 | 80,289,365,173 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 247,247,400 | 223,930,590 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 11,710,921,656 | 12,727,404,059 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 11,993,303,246 | 19,584,718,240 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 4,232,168,306 | 3,108,733,891 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16 | - | 1,051,989,538 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 38,841,790,122 | 31,874,507,970 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 85,628,061,772 | 77,066,607,842 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.19 | 2,648,342,710 | 2,648,342,710 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 19,892,919,647 | 19,094,662,647 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 283,472,737,219 | 189,633,001,418 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 50,000,000,000 | 25,000,000,000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 233,472,737,219 | 164,633,001,418 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1,223,175,276,754 | 1,218,676,244,219 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21 | 1,223,175,276,754 | 1,218,676,244,219 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 487,827,510,000 | 487,827,510,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 487,827,510,000 | 487,827,510,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 115,606,612,922 | 115,606,612,922 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (14,920,919,678) | (14,920,919,678) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 206,901,070,809 | 179,564,070,809 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 168,784,987,755 | 188,364,837,620 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 79,145,290,620 | 188,364,837,620 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 89,639,697,135 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 258,976,014,946 | 262,234,132,546 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1,747,677,692,374 | 1,655,979,508,297 |

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III
(Dạng đầy đủ)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số Thuyết | Quý 3 năm nay | Quý 3 năm trước | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 VI.1 | 286,366,597,808 | 268,257,228,503 | 810,769,963,343 | 764,244,354,082 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 286,366,597,808 | 268,257,228,503 | 810,769,963,343 | 764,244,354,082 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 VI.2 | 240,519,077,868 | 212,908,437,803 | 647,385,374,337 | 613,548,901,147 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 45,847,519,940 | 55,348,790,700 | 163,384,589,006 | 150,695,452,935 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 VI.3 | 3,743,918,384 | 3,783,955,241 | 12,612,259,521 | 10,373,935,293 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 VI.4 | 4,446,680,952 | 3,180,453,817 | 12,404,990,694 | 7,886,289,614 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | 4,943,237,191 | 1,483,418,235 | 11,972,515,820 | 4,646,653,038 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | 57,338,104 | 976,370,063 | 1,058,544,898 | 984,386,877 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | | | |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 VI.5 | 16,464,496,230 | 15,354,599,492 | 47,827,181,476 | 42,643,393,891 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 28,737,599,246 | 41,574,062,695 | 116,823,221,255 | 111,524,091,600 |
| 12. Thu nhập khác | 31 VI.6 | 711,777,944 | 945,498,059 | 2,517,092,278 | 22,730,372,534 |
| 13. Chi phí khác | 32 VI.7 | 104,073,815 | 86,490,516 | 157,499,298 | 260,855,366 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | 607,704,129 | 859,007,543 | 2,359,592,980 | 22,469,517,168 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 29,345,303,375 | 42,433,070,238 | 119,182,814,235 | 133,993,608,768 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 V.14 | 3,987,887,382 | 6,982,672,756 | 17,951,234,700 | 20,607,914,247 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | - | - | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 25,357,415,993 | 35,450,397,482 | 101,231,579,535 | 113,385,694,521 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | 23,875,169,530 | 27,524,507,618 | 89,639,697,135 | 97,321,743,548 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | 1,482,246,463 | 7,925,889,864 | 11,591,882,400 | 16,063,950,973 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 VI.8 | 539 | 610 | 2,025 | 2,188 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 VI.8 | 539 | 610 | 2,025 | 2,188 |

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng giám đốc



Trần Thị Thanh Hào

Trần Thị Thanh Hào

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ III

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 119,182,814,235 | 133,993,608,768 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 86,804,668,062 | 73,734,343,987 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 360,531,408 | 544,243,911 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 VI.9 | 90,106,033 | 3,012,071,565 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (11,648,859,855) | (24,460,163,454) |
| - Chi phí lãi vay | 06 VI.4 | 11,972,515,820 | 4,646,653,038 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 206,761,775,703 | 191,470,757,815 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 15,734,766,093 | (75,011,490,210) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (7,983,490,334) | 1,354,139,479 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (266,294,754) | 9,171,495,528 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (42,438,918,343) | (40,936,939,941) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (11,638,307,310) | (4,724,341,422) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 V.14 | (21,028,035,976) | (23,707,490,722) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 V.20 | (8,769,743,000) | (4,877,695,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 130,371,752,079 | 52,738,435,527 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (162,774,711,687) | (107,792,557,789) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 631,818,182 | 177,407,105,426 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 V.2a | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 V.2b | (294,000,000) | (1,200,000,000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 1,803,100,000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 9,800,152,754 | 4,680,862,294 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (150,833,640,751) | 73,095,409,931 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 V.21 | - | 199,632,562,000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 V.18 | 155,931,334,221 | 53,664,155,959 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 V.18 | (78,652,919,758) | (130,511,417,011) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 V.21 | (72,314,547,000) | (33,934,765,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 4,963,867,463 | 88,850,535,948 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (15,498,021,209) | 214,684,381,406 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 272,125,233,675 | 167,334,700,107 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 27,016,681 | 422,798,162 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 V.1 | 256,654,229,147 | 382,441,879,675 |

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---------------------------------------|---|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Cảng Hải An | Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Cung cấp dịch vụ cảng biển | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ vận tải | 50,5% | 50,5% | 50,5% | 50,5% |
| Công ty TNHH Pan Hải An | Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ Depot | 51% | 51% | 51% | 51% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|--|--|-------------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 0% | 36% | 0% | 20% |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ đại lý | 50% | 50% | 50% | 50% |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | Phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 36,89% | 40% | 36,89% | 40% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo có 341 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 293 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng đề hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5-20 |
| Máy móc và thiết bị | 5-10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6-10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3-5 |
| Tài sản cố định khác | 4-10 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 4,377,827,457 | 2,811,200,781 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 90,971,112,019 | 85,824,003,790 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 161,305,289,671 | 183,490,029,104 |
| Cộng | 256,654,229,147 | 272,125,233,675 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱ⁾ | - | - | - | 1,000,000,000 | 978,454,878 | 1,978,454,878 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾ | 12,500,000,000 | 15,084,880,322 | 27,584,880,322 | 12,500,000,000 | 14,420,692,969 | 26,920,692,969 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 1,494,000,000 | 2,946,380,646 | 4,440,380,646 | 1,200,000,000 | 1,573,568,223 | 2,773,568,223 |
| Cộng | 13,994,000,000 | 18,031,260,968 | 32,025,260,968 | 14,700,000,000 | 16,972,716,070 | 31,672,716,070 |

(i) Theo Biên bản họp số 0101-2019/BB-HĐQT ngày 02 tháng 1 năm 2019 của Hội đồng quản trị, trong năm Công ty TNHH Cảng Hải An chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An cho Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An với giá chuyển nhượng 1.803.100.000 VND. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty con không còn nắm giữ vốn góp tại Công ty này.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tương đương 50% vốn điều lệ. Tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo, Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm. Trong đó, vốn góp ban đầu là 5.000.000.000 VND, tăng vốn góp từ lợi nhuận được chia là 7.500.000.000 VND.

- (iii) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu), trong kỳ Công ty đã mua 29.400 cổ phần HAFC với giá 294.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần HAFC, chiếm 36,89% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Góp vốn trong kỳ | Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ | Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ | Chuyển nhượng vốn trong kỳ | Giá trị phần sở hữu cuối kỳ |
|--|-----------------------------|--------------------|---------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | 1,978,454,878 | | (978,454,878) | | (1,000,000,000) | - |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 26,920,692,969 | - | 2,539,187,353 | (1,875,000,000) | | 27,584,880,322 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 2,773,568,223 | 294,000,000 | 2,710,345,413 | (1,337,532,990) | | 4,440,380,646 |
| Cộng | 31,672,716,070 | 294,000,000 | 4,271,077,888 | (3,212,532,990) | (1,000,000,000) | 32,025,260,968 |

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 12,059,070,270 | 4,470,643,260 |
| Sử dụng dịch vụ đại lý | 3,308,747,008 | 6,083,775,883 |
| Trả lại vốn góp BCC cho Công ty liên kết | | 10,000,000,000 |
| Công ty liên kết chia lợi nhuận | | 2,500,000,000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | | |
| Doanh thu cung cấp dầu Diesel cho Công ty liên kết | 241,482,819 | 842,337,917 |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ | 6,139,990,858 | 12,828,737,657 |
| Công ty liên kết chia cổ tức | | 270,465,000 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | | |
| Góp vốn vào Công ty liên kết | 294,000,000 | 1,200,000,000 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu cho Công ty liên kết | 53,722,414,860 | 27,257,843,666 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng cho Công ty liên kết | 4,299,797,321 | 3,064,773,500 |
| Phải trả hoa hồng đại lý cho công ty liên kết | 2,531,479,477 | 525,525,572 |
| Nhận góp vốn BCC | 5,000,000,000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 10.450.866.500 | | 10.450.866.500 | |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức | 10.000.000.000 | | 10.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô | 450.000.000 | | 450.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải | 864.000 | | 864.000 | |
| Công ty Cổ phần MHC | 2.500 | | 2.500 | |

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 24,535,876,721 | 20,167,108,440 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 16,164,648,679 | 14,140,755,902 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 2,492,383,587 | 633,277,100 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 476,469,900 | 612,709,000 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | 5,350,764,555 | 4,667,601,438 |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức | 51,610,000 | 112,765,000 |
| Phải thu các khách hàng khác | 71,405,404,899 | 102,105,144,802 |
| OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD., | 10,025,493,719 | |
| Sea Consortium Pte Ltd | | 22,658,437,552 |
| Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam | 11,350,455,053 | 12,016,989,965 |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Tico | | 3,719,043,402 |
| Các khách hàng khác | 50,029,456,127 | 63,710,673,883 |
| Cộng | 95,941,281,620 | 122,272,253,242 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | - | - |
| Trả trước cho người bán khác | 5,236,681,384 | 6,853,244,550 |
| Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc | 239,222,508 | 239,222,508 |
| Trung tâm Quan trắc Môi trường | 68,000,000 | 68,000,000 |
| AE Consulting & Trading bvba | | 5,364,712,000 |
| WARTSILA SERVICES SWITZERLAND LTD | 2,149,164,046 | |
| Các nhà cung cấp khác | 2,780,294,830 | 1,181,310,042 |
| Cộng | 5,236,681,384 | 6,853,244,550 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | | | <i>114,763,908</i> | |
| Các khoản chi hộ | | | 114,763,908 | |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>101,070,623,269</i> | | <i>88,979,127,393</i> | |
| Lãi tiền gửi dự thu | 817,535,474 | | 403,746,555 | |
| Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*) | 92,763,292,500 | | 70,000,000,000 | |
| Ký cược, ký quỹ | 2,146,861,047 | | 396,872,836 | |
| Tạm ứng | 1,249,689,000 | | 659,240,156 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam - tiền sửa chữa tàu Hải An Gate | | | 14,369,234,234 | |
| Tạm tính doanh thu | 3,790,404,465 | | | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 302,840,783 | | 3,150,033,612 | |
| Cộng | 101,070,623,269 | | 89,093,891,301 | |

5b. Phải thu dài hạn khác

Là tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

| | Số cuối kỳ | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | Số đầu năm | |
|---|------------|----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|----------------------|
| | | Thời gian quá hạn | Giá gốc | | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| | | | Giá trị có thể thu hồi | | Giá trị có thể thu hồi | |
| <i>Các bên liên quan</i> | | | | | | |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | - | <i>1.968.464.319</i> | <i>902.010.087</i> | - | <i>1.968.464.319</i> | <i>1.262.541.495</i> |
| Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ | >3 năm | 65.089.486 | | >3 năm | 65.089.486 | |
| Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ | >3 năm | 99.744.126 | | >3 năm | 99.744.126 | |
| Navigator Marine Corp | Dưới 2 năm | 1.803.630.707 | 902.010.087 | Trên 6 tháng dưới 1 năm | 1.803.630.707 | 1.262.541.495 |
| Cộng | | 1.968.464.319 | 902.010.087 | | 1.968.464.319 | 1.262.541.495 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 705.922.824 | 214.833.612 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 360.531.408 | 541.089.212 |
| Hoàn nhập dự phòng | | (50.000.000) |
| Số cuối kỳ | 1.066.454.232 | 705.922.824 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 42,931,144,168 | | 34,897,068,379 | |
| Công cụ, dụng cụ | 32,300,000 | | 82,885,455 | |
| Cộng | 42,963,444,168 | | 34,979,953,834 | |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Bảo hiểm chờ phân bổ | 2,163,135,023 | 1,696,882,210 |
| Chi phí dầu nhờn | 1,725,678,339 | 1,249,503,273 |
| Công cụ dụng cụ | 60,815,535 | 136,907,832 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 1,420,252,206 | - |
| Phí đường bộ | 78,414,830 | 120,707,085 |
| Chi phí thuê văn phòng | 145,000,000 | 84,102,200 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 56,410,590 | 118,908,831 |
| Cộng | 5,649,706,523 | 3,407,011,431 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí sửa chữa | - | 706,449,273 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Park | 2,146,248,878 | 6,975,308,840 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Time | 9,179,497,426 | - |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Song | - | 2,633,327,131 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Bell | 10,647,719,918 | 15,003,605,339 |
| Công cụ dụng cụ | 1,638,962,617 | 844,131,343 |
| Tiền thuê đất | 224,527,095,675 | 181,728,035,590 |
| Bản quyền phần mềm | 99,257,646 | 254,538,894 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 102,837,501 | |
| Cộng | 248,341,619,661 | 208,145,396,410 |

(*) Tiền thuê đất của Công ty TNHH Pan Hải An tại Khu công nghiệp Nam Đình Vũ để đầu tư, xây dựng và kinh doanh kho bãi container.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 268,971,100,854 | 280,039,232,177 | 666,206,308,161 | 2,585,982,571 | 39,353,374,218 | 1,257,155,997,981 |
| Mua trong năm | 13,732,735,341 | 16,630,265,686 | 134,946,658,273 | 300,404,136 | - | 165,610,063,436 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (2,296,117,153) | - | - | (2,296,117,153) |
| Số cuối kỳ | 282,703,836,195 | 296,669,497,863 | 798,856,849,281 | 2,886,386,707 | 39,353,374,218 | 1,420,469,944,264 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 108,421,972,265 | 182,816,374,494 | 153,527,895,776 | 1,754,355,921 | 4,425,265,082 | 450,945,863,538 |
| Khấu hao trong năm | 12,250,585,027 | 22,219,825,351 | 51,685,897,706 | 161,378,168 | 2,993,913,684 | 89,311,599,936 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (2,296,117,153) | - | - | (2,296,117,153) |
| Số cuối kỳ | 120,672,557,292 | 205,036,199,845 | 202,917,676,329 | 1,915,734,089 | 7,419,178,766 | 537,961,346,321 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 160,549,128,589 | 97,222,857,683 | 512,678,412,385 | 831,626,650 | 34,928,109,136 | 806,210,134,443 |
| Số cuối kỳ | 162,031,278,903 | 91,633,298,018 | 595,939,172,952 | 970,652,618 | 31,934,195,452 | 882,508,597,943 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|------------------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 4,945,015,236 | 6,809,912,649 | 11,754,927,885 |
| Mua trong năm | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 4,945,015,236 | 6,809,912,649 | 11,754,927,885 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2,108,931,861 | 3,454,995,233 | 5,563,927,094 |
| Khấu hao trong năm | 105,964,614 | 1,277,223,811 | 1,383,188,425 |
| Số cuối kỳ | 2,214,896,475 | 4,732,219,044 | 6,947,115,519 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 2,836,083,375 | 3,354,917,416 | 6,191,000,791 |
| Số cuối kỳ | 2,730,118,761 | 2,077,693,605 | 4,807,812,366 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ |
|------------------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|--------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 134,833,055,703 | (134,050,049,182) | (783,006,521) | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 2,740,688,182 | 25,123,316,482 | (27,773,550,119) | - | 90,454,545 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 1,075,900,722 | 13,584,128,026 | (13,769,246,138) | - | 890,782,610 |
| Cộng | 3,816,588,904 | 173,540,500,211 | (175,592,845,439) | (783,006,521) | 981,237,155 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 10,976,128,033 | 7,168,799,593 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 762,256,821 | 266,543,009 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | - | 750,796,415 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An | 1,309,490,643 | 2,626,212,731 |
| Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh | 528,934,428 | |
| Công ty Cổ phần Transimex | - | 15,640,000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 613,668,983 | 308,670,922 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức | 2,685,248,517 | 2,709,721,516 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | - | 7,260,000 |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức | 228,023,000 | 483,955,000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT) | 4,848,505,641 | |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 54,858,795,509 | 73,120,565,580 |
| Triton Container International Limited-Colle | 2,105,854,951 | 2,137,259,433 |
| South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd | 3,807,711,986 | |
| Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô | 3,560,386,784 | |
| Bunkers Marine Pte. Ltd | 3,830,153,574 | |
| BMS United Bunkers (Asia) Limited | 7,975,007,335 | 10,202,569,877 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hàng hải Việt Nam | 900,000,000 | 10,352,777,607 |
| Các nhà cung cấp khác | 32,679,680,879 | 50,427,958,663 |
| Cộng | 65,834,923,542 | 80,289,365,173 |

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>247,247,400</i> | <i>223,930,590</i> |
| Các khách hàng khác | 247,247,400 | 223,930,590 |
| Cộng | 247,247,400 | 223,930,590 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | | Số cuối kỳ | |
|----------------------------|-----------------------|----------|------------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Giảm khác | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3,106,715,908 | | 33,808,751,761 | (33,762,951,016) | (285,642,548) | 2,866,874,105 | |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | | 1,313,956,412 | (1,313,956,412) | - | - | |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 11,841,750 | (11,841,750) | - | - | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7,799,608,005 | | 19,097,122,467 | (21,028,035,976) | - | 5,929,740,277 | 61,045,781 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1,821,080,146 | | 5,445,945,454 | (5,220,884,231) | - | 2,046,141,369 | |
| Tiền thuế đất | - | | 1,777,640,083 | (909,474,178) | - | 868,165,905 | |
| Các loại thuế khác | - | | 14,000,000 | (14,000,000) | - | - | |
| Cộng | 12,727,404,059 | - | 61,469,257,927 | (62,261,143,563) | (285,642,548) | 11,710,921,656 | 61,045,781 |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|-----|
| Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cước cho thuê tàu | 0% |
| Cung cấp nước ngọt | 5% |
| Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác | 10% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

| | <u>Quý 3 năm nay</u> | <u>Quý 3 năm trước</u> |
|--|----------------------|------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 3,987,887,382 | 6,982,672,756 |
| Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ | 262,590,844 | |
| Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh | 98,034,904 | (71,825,255) |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 4,348,513,130 | 6,910,847,501 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | - | - |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 4,232,168,306 | 3,108,733,891 |
| Chi phí nhiên liệu tàu Hai An Song | - | 1,802,532,141 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 1,391,075,846 | 1,056,867,336 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 2,841,092,460 | 249,334,414 |
| Cộng | 4,232,168,306 | 3,108,733,891 |

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 4,803,211,572 | 4,539,098,795 |
| Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh | 100,276,373 | 100,276,373 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh | 1,047,907,380 | 939,108,094 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh | 1,765,529,841 | 1,771,939,021 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh | 1,833,370,003 | 1,727,775,307 |
| Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh | 56,127,975 | |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 34,038,578,550 | 27,335,409,175 |
| Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh | 30,477,701 | 30,477,701 |
| Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh | 25,898,150 | 25,898,150 |
| Các khoản thu hộ SM Line Corporation | 31,251,831,364 | 25,575,794,806 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 820,000,000 | 380,000,000 |
| Kinh phí công đoàn | 346,538,863 | 358,859,625 |
| BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 3,273,700 | 49,078,020 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 418,950,000 | 418,950,000 |
| Thuế vãng lai phải nộp | 285,642,548 | 317,832,237 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 855,966,224 | 178,518,636 |
| Cộng | 38,841,790,122 | 31,874,507,970 |

17b. Phải trả dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 50,000,000,000 | 25,000,000,000 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - phải trả về góp vốn BCC | 15,000,000,000 | 5,000,000,000 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An- phải trả về góp vốn BCC | 10,000,000,000 | 10,000,000,000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC | 20,000,000,000 | 10,000,000,000 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - phải trả về góp vốn BCC | 5,000,000,000 | |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | - | - |
| Cộng | 50,000,000,000 | 25,000,000,000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Giá trị</u> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 6,425,246,808 | 5,049,365,476 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (i) | 6,425,246,808 | 5,049,365,476 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 79,202,814,964 | 72,017,242,366 |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính | - | 6,455,700,160 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng | 71,122,712,459 | 52,001,607,390 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội | 1,837,894,075 | 7,327,578,396 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 | 6,242,208,430 | 6,232,356,420 |
| Cộng | 85,628,061,772 | 77,066,607,842 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u> | <u>Vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 5,049,365,476 | 72,017,242,366 | 77,066,607,842 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 20,939,087,321 | - | 20,939,087,321 |
| Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | - | 66,247,775,619 | 66,247,775,619 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (19,563,205,989) | (59,089,713,769) | (78,652,919,758) |
| Tăng giảm cho chênh lệch tỷ giá | - | 27,510,748 | 27,510,748 |
| Số cuối kỳ | 6,425,246,808 | 79,202,814,964 | 85,628,061,772 |

18b. Vay dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Giá trị</u> |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 233,472,737,219 | 164,633,001,418 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii) | 223,377,255,448 | 149,869,183,740 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iii) | 10,095,481,771 | 14,763,817,678 |
| Cộng | 233,472,737,219 | 164,633,001,418 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11 tháng 04 năm 2014 để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardelit GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20 tháng 01 năm 2014 để thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời gian trả nợ gốc 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần.
 - Hợp đồng tín dụng số 02.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019, mục đích vay tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến Dự án đầu tư tàu container VNL Ruby (HAIAN MIND), thời hạn vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu HAIAN MIND của dự án.
 - Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container HaiAn Time số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/9/2015 với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.
 - Hợp đồng vay để thực hiện Dự án đầu tư tàu container với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN Bell của Dự án.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay 25-10.14/HĐTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014 để thực hiện Dự án đầu tư tàu container với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu HAIAN SONG.
- (iv) Vay ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty.
- Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 79,202,814,964 | 72,017,242,366 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 233,472,737,219 | 164,633,001,418 |
| Trên 5 năm | | |
| Cộng | <u>312,675,552,183</u> | <u>236,650,243,784</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 164,633,001,418 | 143,122,894,109 |
| Số tiền vay phát sinh | 134,992,246,900 | 143,927,623,500 |
| Số tiền vay đã trả | - | (51,314,104,800) |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (66,247,775,619) | (72,017,242,366) |
| CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm | 95,264,520 | 913,830,975 |
| Số cuối kỳ | <u>233,472,737,219</u> | <u>164,633,001,418</u> |

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng. Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|-------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.648.342.710 |
| Tăng do trích lập | |
| Số sử dụng | |
| Số cuối kỳ | <u>2.648.342.710</u> |

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------------|------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 14,463,218,213 | 5,467,000,000 | (4,631,743,000) | 15,298,475,213 |
| Quỹ hội đồng quản trị | 4,631,444,434 | 4,101,000,000 | (4,138,000,000) | 4,594,444,434 |
| Cộng | <u>19,094,662,647</u> | <u>9,568,000,000</u> | <u>(8,769,743,000)</u> | <u>19,892,919,647</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm trước | 345,078,180,000 | 58,738,380,922 | (14,920,919,678) | 152,064,070,809 | 124,290,839,354 | 170,926,532,068 | 836,177,083,475 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*) | 142,749,330,000 | 56,868,232,000 | - | - | - | - | 199,617,562,000 |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm | - | - | - | - | 67,571,000,000 | - | 67,571,000,000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 135,158,763,266 | 23,736,600,478 | - | 158,895,363,744 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | (37,150,000,000) | - | - | (9,650,000,000) |
| Chia cổ tức năm 2017 | - | - | - | 27,500,000,000 | (33,934,765,000) | - | (33,934,765,000) |
| Số dư cuối năm trước | 487,827,510,000 | 115,606,612,922 | (14,920,919,678) | 179,564,070,809 | 188,364,837,620 | 262,234,132,546 | 1,218,676,244,219 |
| Số dư đầu năm nay | 487,827,510,000 | 115,606,612,922 | (14,920,919,678) | 179,564,070,809 | 188,364,837,620 | 262,234,132,546 | 1,218,676,244,219 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 89,639,697,135 | 11,591,882,400 | 101,231,579,535 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 27,337,000,000 | (36,905,000,000) | - | (9,568,000,000) |
| Trả cổ tức năm 2018 | - | - | - | - | (72,314,547,000) | (14,850,000,000) | (87,164,547,000) |
| Số dư cuối kỳ | 487,827,510,000 | 115,606,612,922 | (14,920,919,678) | 206,901,070,809 | 168,784,987,755 | 258,976,014,946 | 1,223,175,276,754 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 48.782.751 | 48.782.751 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 48.782.751 | 48.782.751 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 48.782.751 | 48.782.751 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 573.053 | 573.053 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 573.053 | 573.053 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 48.209.698 | 48.209.698 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 48.209.698 | 48.209.698 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 0204-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 như sau:

| | VND |
|---------------------------------|------------------|
| Chia cổ tức cho các cổ đông | : 72.314.547.000 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | : 27.337.000.000 |
| Trích quỹ Ban điều hành | : 4.101.000.000 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 5.467.000.000 |

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 1,756,475.40 | 1,073,229.92 |
| Euro (EUR) | 304.56 | 312.75 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Quý 3 năm nay</u> | <u>Quý 3 năm trước</u> |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu hoạt động khai thác cảng | 58,218,967,181 | 73,052,825,862 |
| Doanh thu hoạt động khai thác tàu | 251,255,373,772 | 213,590,492,390 |
| Doanh thu hoạt động khác | 36,950,532,944 | 22,994,166,052 |
| Loại trừ nội bộ | (60,058,276,089) | (41,380,255,801) |
| Cộng | 286,366,597,808 | 268,257,228,503 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

| | <u>Quý 3 năm nay</u> | <u>Quý 3 năm trước</u> |
|---|----------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức | 806,177,537 | 340,630,272 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | 7,051,279,960 | 4,378,084,057 |
| Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh | 123,057,271 | 4,206,364 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Quý 3 năm nay</u> | <u>Quý 3 năm trước</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hoạt động cảng | 29,475,552,778 | 52,000,939,148 |
| Giá vốn của hoạt động tàu | 231,409,070,478 | 184,060,828,913 |
| Giá vốn hoạt động khác | 39,692,730,701 | 18,226,925,543 |
| Loại trừ nội bộ | (60,058,276,089) | (41,380,255,801) |
| Cộng | <u>240,519,077,868</u> | <u>212,908,437,803</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Quý 3 năm nay</u> | <u>Quý 3 năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 1,798,676,675 | 3,457,058,037 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1,337,532,990 | 500 |
| Lãi chuyển nhượng công ty liên kết | - | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 601,077,375 | 321,053,335 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 6,631,344 | 5,843,369 |
| Cộng | <u>3,743,918,384</u> | <u>3,783,955,241</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Quý 3 năm nay</u> | <u>Quý 3 năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 4,943,237,191 | 1,483,418,235 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 10,227,654 | 139,239,846 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | (506,783,893) | 1,557,795,736 |
| Cộng | <u>4,446,680,952</u> | <u>3,180,453,817</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Quý 3 năm nay</u> | <u>Quý 3 năm trước</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 8,234,262,959 | 7,296,071,655 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 356,036,358 | 465,917,875 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 330,349,491 | 106,990,400 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 976,127,710 | 1,011,052,255 |
| Thuế, phí và lệ phí | 28,978,000 | 37,790,000 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | - | 544,243,911 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2,302,899,484 | 2,682,670,279 |
| Các chi phí khác | 4,235,842,228 | 3,209,863,117 |
| Cộng | 16,464,496,230 | 15,354,599,492 |

6. Thu nhập khác

| | <u>Quý 3 năm nay</u> | <u>Quý 3 năm trước</u> |
|--|----------------------|------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 631,818,182 | - |
| Tiền bồi thường | 1,030,952,172 | 882,118,083 |
| Xử lý công nợ | (6,225,345) | |
| Thu nhập khác | (944,767,065) | 63,379,976 |
| Cộng | 711,777,944 | 945,498,059 |

7. Chi phí khác

| | <u>Quý 3 năm nay</u> | <u>Quý 3 năm trước</u> |
|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 1,953,843 | 80,660,338 |
| Chi phí khác | 102,119,972 | 5,830,178 |
| Cộng | 104,073,815 | 86,490,516 |

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 89,639,697,135 | 97,321,743,548 |
| Trích quỹ khen thưởng, quỹ HĐQT (i) | (6,193,000,000) | (7,176,000,000) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 83,446,697,135 | 90,145,743,548 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 41,209,114 | 41,209,114 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2,025 | 2,188 |

(i) Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2019 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HĐQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 11 tháng 4 năm 2019 (7%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 41,209,114 | 33,934,765 |
| Ảnh hưởng của 14.274.933 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2018 | | 7,274,349 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 41,209,114 | 41,209,114 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương, phụ cấp | 5,633,390,072 | 4,880,217,087 |
| Cộng | 5,633,390,072 | 4,880,217,087 |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--|
| Công ty TNHH Cảng Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH Pan Hải An | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | Công ty liên kết của Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | Công ty con của công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd. | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vina | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | |
|---|--|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Vinafreight | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phúc Thịnh | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh | Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh | Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty cổ phần kho vận miền Nam | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Tổng công ty cổ phần đường sông Việt Nam | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Một thành viên Gelex Logistics | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT) | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i> | | |
| Trả cổ tức | 8,351,250,000 | 3,045,000,000 |
| Chi phí thuê văn phòng | 2,334,405,951 | 2,143,024,304 |
| HACT sử dụng dịch vụ tư vấn | 1,834,430,000 | 1,488,320,000 |
| Nhận vốn góp BCC | | 10,000,000,000 |
| Trả lại vốn góp BCC | | 10,000,000,000 |
| HACT chia lợi nhuận BCC | 1,727,775,307 | |
| <i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i> | | |
| Trả cổ tức | 2,583,090,000 | 300,330,000 |
| Nhận vốn góp BCC | | 5,000,000,000 |
| Trả góp vốn BCC | | 5,000,000,000 |
| HACT chia lợi nhuận | 3,900,000,000 | |
| HACT chia BCC | 863,887,655 | |
| HACT sử dụng dịch vụ đại lý | 11,311,041,877 | 9,364,584,477 |
| Sử dụng dịch vụ khai thác cảng | | 31,101,321 |
| <i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</i> | | |
| Sử dụng dịch vụ khai thác tàu | | 3,357,445,350 |
| <i>Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh</i> | | |
| Sử dụng dịch vụ khai thác tàu | | 3,103,500,182 |
| Chi phí vận chuyển đường bộ | 1,527,330,000 | 325,139,819 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh

| | | |
|---------------------|---------------|-------------|
| Trả cổ tức | 3,000,000,000 | |
| PAN sử dụng dịch vụ | 1,555,413,820 | 277,872,750 |

Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh

| | | |
|------------|---------------|--|
| Trả cổ tức | 1,500,000,000 | |
|------------|---------------|--|

Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT)

| | | |
|---|----------------|--|
| Phải trả VICT về cung cấp dịch vụ cho khai thác tàu | 39,101,233,293 | |
|---|----------------|--|

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.13, V.16 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: kho bãi, vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Các lĩnh vực khác | Loại trừ nội bộ | Cộng |
|--|--------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 174,393,088,620 | 680,353,874,912 | 108,901,407,252 | (152,878,407,441) | 810,769,963,343 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 174,393,088,620 | 680,353,874,912 | 108,901,407,252 | (152,878,407,441) | 810,769,963,343 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 52,093,139,114 | 82,826,542,589 | 28,464,907,303 | - | 163,384,589,006 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (47,827,181,476) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 115,557,407,530 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 12,612,259,521 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | | | | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| Chi phí tài chính | | | | | (12,404,990,694) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | | 1,058,544,898 |
| Thu nhập khác | | | | | 2,517,092,278 |
| Chi phí khác | | | | | (157,499,298) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (17,951,234,700) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 101,231,579,535 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 180,744,721 | 148,258,913,432 | 74,437,379,636 | - | 222,877,037,789 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 32,832,314,463 | 70,529,516,304 | 11,983,850,365 | | 115,345,681,132 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | | | | | |
| Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 202,160,590,661 | 586,456,644,498 | 114,425,232,570 | (138,798,113,647) | 764,244,354,082 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 202,160,590,661 | 586,456,644,498 | 114,425,232,570 | (138,798,113,647) | 764,244,354,082 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 61,098,422,783 | 54,946,386,970 | 34,650,643,182 | | 150,695,452,935 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (42,643,393,891) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 108,052,059,044 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 10,373,935,293 |
| Chi phí tài chính | | | | | (7,886,289,614) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết | | | | | 984,386,877 |
| Thu nhập khác | | | | | 22,730,372,534 |
| Chi phí khác | | | | | (260,855,366) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (20,607,914,247) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 113,385,694,521 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | | | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | 8,844,414,791 | 27,831,551,000 | 109,309,086,534 | 145,985,052,325 |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | 35,981,942,361 | 53,696,933,849 | 8,237,404,876 | 97,916,281,086 |
| <i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i> | | | | |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|--|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 211,915,779,928 | 755,542,517,201 | 408,019,173,441 | 1,375,477,470,570 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 372,200,221,804 |
| Tổng tài sản | | | | 1,747,677,692,374 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 34,530,793,475 | 307,925,859,037 | 141,771,546,047 | 484,228,198,559 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 40,274,217,061 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 524,502,415,620 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 504,585,763,378 | 671,054,654,637 | 200,696,339,783 | 1,376,336,757,798 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 279,642,750,499 |
| Tổng tài sản | | | | 1,655,979,508,297 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 41,645,320,294 | 302,096,156,607 | 41,462,024,923 | 385,203,501,824 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 52,099,762,254 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 437,303,264,078 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải